

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

**Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: [www.iseebooks.vn](http://www.iseebooks.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối tài chính là 52 người, trong đó cán bộ quản lý là 8 người.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                            |          |  |
|----------------------------|----------|--|
| • Ông Đặng Thanh Hải       | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 29/03/2021                               |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/03/2019<br>Miễn nhiệm ngày 29/03/2021 |
| • Ông Nguyễn Quang Dũng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017                               |
| • Bà Phạm Thị Thu Hương    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017                               |
| • Ông Nguyễn Lê Văn        | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017                               |
| • Bà Lê Ngọc               | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 28/03/2018                               |

### *Ban Kiểm soát*

- |                        |            |  |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Hồ Phú Cường     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017                                 |
| • Ông Đặng Công Đức    | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017                                 |
| • Bà Hồ Đoàn Thiên Kim | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017<br>Xin từ nhiệm ngày 01/06/2021 |

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                         |                   |                          |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Quang Dũng | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 |
| • Ông Huỳnh Ngọc Bảo    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/03/2020 |
| • Bà Lê Ngọc            | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

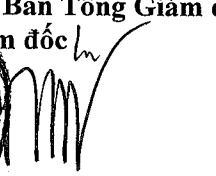
### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

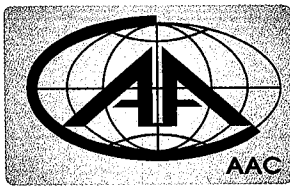
- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2022



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 60/2022/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 12/02/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

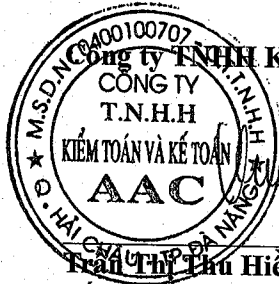
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số A0520017-R/AISHN-TC ngày 01/03/2021 về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2022

**Nguyễn Thị Nhật Oanh – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4031-2022-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.934.994.447</b>	<b>87.381.706.073</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>28.771.438.999</b>	<b>25.290.231.554</b>
1. Tiền	111		2.871.438.999	1.590.231.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.900.000.000	23.700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16.149.600.000</b>	<b>18.665.937.100</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(87.545.000)	(320.855.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6b	12.000.000.000	14.749.647.100
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.955.185.908</b>	<b>13.705.174.263</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	28.511.669.720	13.513.850.605
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	439.690.573	776.848.964
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.699.033.590	1.098.939.465
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.708.629.651)	(1.697.886.447)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		13.421.676	13.421.676
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>26.504.585.897</b>	<b>26.351.832.286</b>
1. Hàng tồn kho	141		44.338.038.017	37.124.765.259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.833.452.120)	(10.772.932.973)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.554.183.643</b>	<b>3.368.530.870</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	3.554.183.643	3.361.471.116
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	7.059.754
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.666.571.453</b>	<b>26.435.510.009</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.492.216.937</b>	<b>19.191.951.577</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	10.569.541.937	11.223.280.577
- Nguyên giá	222		20.370.416.756	19.655.916.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.800.874.819)	(8.432.635.819)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.922.675.000	7.968.671.000
- Nguyên giá	228		8.114.999.000	8.114.999.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(192.324.000)	(146.328.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.799.500.000</b>	<b>6.799.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6c	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6c	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6c	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>374.854.516</b>	<b>444.058.432</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	374.854.516	444.058.432
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>129.601.565.900</b>	<b>113.817.216.082</b>

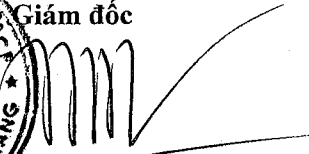


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

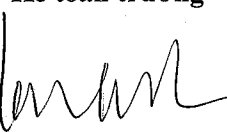
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

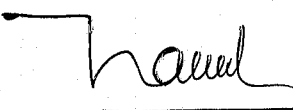
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>38.311.630.918</b>	<b>26.598.590.664</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.311.630.918</b>	<b>26.598.590.664</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	16.525.544.613	15.938.685.226
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.144.191.909	972.687.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.792.723.796	606.063.381
4. Phải trả người lao động	314		2.424.852.259	2.020.895.104
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.666.372.079	5.762.277.071
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	28.302.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	39.297.700	764.650
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		718.648.562	1.268.915.590
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>91.289.934.982</b>	<b>87.218.625.418</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>91.289.934.982</b>	<b>87.218.625.418</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	21	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	8.500.731.821	7.809.474.973
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	35.696.564.128	32.316.511.412
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.327.711.412	21.882.227.753
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.368.852.716	10.434.283.659
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>129.601.565.900</b>	<b>113.817.216.082</b>



Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2022

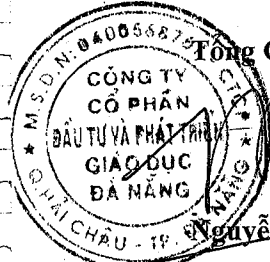
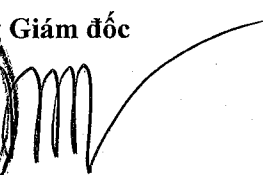
Kế toán trưởng  
  
Lê Ngọc

Người lập biểu  
  
Nguyễn Hà Khiêm

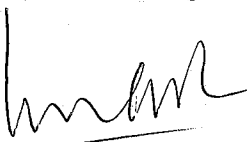
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

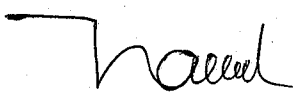
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	270.645.387.098	195.429.767.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	9.014.021.961	4.083.294.734
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		261.631.365.137	191.346.472.552
4. Giá vốn hàng bán	11	24	199.384.834.127	137.542.075.499
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>62.246.531.010</b>	<b>53.804.397.053</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.852.075.977	2.203.314.153
7. Chi phí tài chính	22	26	544.293.156	1.033.765.494
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		137.565.704	469.799.789
8. Chi phí bán hàng	25	27	30.070.012.842	24.002.578.486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	15.957.867.033	14.924.933.593
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.526.433.956</b>	<b>16.046.433.633</b>
11. Thu nhập khác	31		9.263.775	486.423.087
12. Chi phí khác	32		6.319.395	516
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.944.380</b>	<b>486.422.571</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18.529.378.336</b>	<b>16.532.856.204</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.704.241.379	2.620.477.991
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>13.825.136.957</b>	<b>13.912.378.213</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.374	2.389
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.374	2.389

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
Nguyễn Quang Dũng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
Lê Ngọc

NGƯỜI LẬP BIỂU

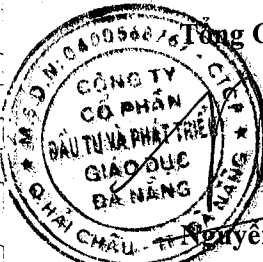
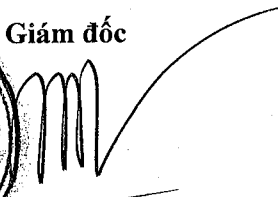
  
Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2022


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

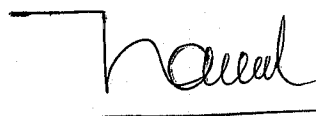
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		245.359.909.176	168.296.140.610
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(215.518.662.623)	(126.438.626.068)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.449.180.599)	(9.009.959.044)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18,26	(137.565.704)	(478.351.225)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(4.022.349.721)	(2.765.273.620)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		585.014.540	471.374.211
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.499.499.042)	(6.596.026.390)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.317.666.027</b>	<b>23.479.278.474</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(776.286.256)	(924.446.320)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	(20.000.000.000)	(14.749.647.100)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6b	22.749.647.100	22.900.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.880.806.367
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	2.178.980.574	2.214.470.099
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.152.341.418</b>	<b>15.321.183.046</b>
<b>1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	64.111.427.940	51.654.035.802
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(64.111.427.940)	(61.654.035.802)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21e	(6.988.800.000)	(6.988.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.988.800.000)</b>	<b>(16.988.800.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.481.207.445</b>	<b>21.811.661.520</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	25.290.231.554	3.478.570.034
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>28.771.438.999</b>	<b>25.290.231.554</b>

 **Tổng Giám đốc**  
  
**Nguyễn Quang Dũng**

**Kế toán trưởng**

  
**Lê Ngọc**

**Người lập biểu**

  
**Nguyễn Hà Khiêm**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**1. Đặc điểm hoạt động****1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ - SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.****1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Website	5

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả, các khoản hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tại Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
  - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	93.402.000	92.731.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.778.036.999	1.497.500.554
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	25.900.000.000	23.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.771.438.999</b>	<b>25.290.231.554</b>

### 6. Đầu tư tài chính

#### a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (*)						
- Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	321.000.000	87.545.000	408.545.000	255.000.000	153.545.000
- Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	5.503.900.000	-	3.828.600.000	3.661.290.000	167.310.000
<b>Cộng</b>	<b>4.237.145.000</b>	<b>5.824.900.000</b>	<b>87.545.000</b>	<b>4.237.145.000</b>	<b>3.916.290.000</b>	<b>320.855.000</b>

(\*) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	12.000.000.000	14.749.647.100
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>14.749.647.100</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	-	3.707.765.000
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (1)	20%	2.530.000.000	-	2.530.000.000
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (2)	25,92%	2.919.500.000	-	3.707.765.000
Đầu tư vào đơn vị khác		1.350.000.000	-	1.370.000.000
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng (3)	8,76%	350.000.000	-	350.000.000
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) (4)	2,27%	1.000.000.000	-	1.370.000.000
<b>Cộng</b>		<b>6.799.500.000</b>	<b>-</b>	<b>6.799.500.000</b>

Tất cả các Công ty nhận đầu tư đều không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(1), (3) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2021. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.

(2), (4) Cổ phiếu của các công ty này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu này được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**7. Phải thu của khách hàng****a. Ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	6.590.072.937	4.764.865.808
Công ty CP Sách và Thiết bị Quảng Ngãi	6.333.958.671	3.350.413.179
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thừa Thiên Huế	3.883.877.511	-
Các đối tượng khác	11.703.760.601	5.398.571.618
<b>Cộng</b>	<b><u>28.511.669.720</u></b>	<b><u>13.513.850.605</u></b>

**b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	3.224.681.585	50.798.610
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	251.556.886	64.410.610
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	59.998.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.536.236.471</u></b>	<b><u>115.209.220</u></b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV In Nhân Dân Bình Định	86.832.201	-
Ông Đoàn Dũng Sĩ	166.670.100	178.517.700
Các đối tượng khác	186.188.272	598.331.264
<b>Cộng</b>	<b><u>439.690.573</u></b>	<b><u>776.848.964</u></b>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.267.576.056	-	659.085.261	-
Phải thu khác	431.457.534	-	439.854.204	-
- <i>Lãi dự thu</i>	431.457.534	-	436.854.204	-
- <i>Các khoản khác</i>	-	-	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.699.033.590</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.098.939.465</u></b>	<b><u>-</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.708.629.651	1.697.886.447
- Trên 3 năm	1.592.795.290	1.203.277.948
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	18.637.150	474.615.379
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	87.436.388	15.165.190
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	9.760.823	4.827.930
<b>Cộng</b>	<b>1.708.629.651</b>	<b>1.697.886.447</b>

### 11. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.467.021.194	-	1.973.946.840	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.899.330.673	-	18.204.988.307	-
Thành phẩm	22.971.686.150	17.833.452.120	16.945.830.112	10.772.932.973
<b>Cộng</b>	<b>44.338.038.017</b>	<b>17.833.452.120</b>	<b>37.124.765.259</b>	<b>10.772.932.973</b>

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	3.523.851.826	3.093.823.563
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.331.817	137.199.773
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	130.447.780
<b>Cộng</b>	<b>3.554.183.643</b>	<b>3.361.471.116</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cẩm (*)	374.854.516	444.058.432
<b>Cộng</b>	<b>374.854.516</b>	<b>444.058.432</b>

(\*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cẩm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	15.197.042.623	3.828.609.091	630.264.682	19.655.916.396
Mua sắm trong năm	294.500.360	420.000.000	-	714.500.360
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.491.542.983</b>	<b>4.248.609.091</b>	<b>630.264.682</b>	<b>20.370.416.756</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	6.221.593.320	1.766.222.317	444.820.182	8.432.635.819
Khấu hao trong năm	751.168.000	499.123.000	117.948.000	1.368.239.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.972.761.320</b>	<b>2.265.345.317</b>	<b>562.768.182</b>	<b>9.800.874.819</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.975.449.303	2.062.386.774	185.444.500	11.223.280.577
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.518.781.663</b>	<b>1.983.263.774</b>	<b>67.496.500</b>	<b>10.569.541.937</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 1.865.327.773 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2021.

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	315.000.000	8.114.999.000
Mua sắm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>315.000.000</b>	<b>8.114.999.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	146.328.000	146.328.000
Khấu hao trong năm	-	45.996.000	45.996.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>192.324.000</b>	<b>192.324.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.799.999.000	168.672.000	7.968.671.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.799.999.000</b>	<b>122.676.000</b>	<b>7.922.675.000</b>

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 85.000.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Phải trả người bán

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Giấy CP	3.224.902.610	327.335.078
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	3.729.653.171	1.840.068.740
Công ty TNHH Giấy PVH	4.165.241.396	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.004.853.110	228.389.777
Các đối tượng khác	3.400.894.326	13.542.891.631
<b>Cộng</b>	<b>16.525.544.613</b>	<b>15.938.685.226</b>

#### b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	3.729.653.171	1.840.068.740
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	173.574.098	2.446.901.190
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.004.853.110	228.389.777
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	165.480.150	509.097.150
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	392.423.135	1.992.226.870
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	314.039.341	561.108.876
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	226.440.500	-
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	554.773.700	-
<b>Cộng</b>	<b>7.561.237.205</b>	<b>7.577.792.603</b>

### 16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	772.594.089	448.680.849
Các đối tượng khác	54.797.820	207.206.793
<b>Cộng</b>	<b>1.144.191.909</b>	<b>972.687.642</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	203.785.346	93.076.673	110.708.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	125.921.093	4.704.241.379	4.022.349.721	807.812.751
Thuế thu nhập cá nhân	480.142.288	1.568.493.637	1.174.433.553	874.202.372
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>606.063.381</b>	<b>6.479.520.362</b>	<b>5.292.859.947</b>	<b>1.792.723.796</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bản thảo, bản quyền	15.666.372.079	5.762.277.071
<b>Cộng</b>	<b>15.666.372.079</b>	<b>5.762.277.071</b>

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	320.000	320.000
Phải trả khác	38.977.700	444.650
<b>Cộng</b>	<b>39.297.700</b>	<b>764.650</b>

### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Đà Nẵng	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	-	54.111.427.940	54.111.427.940	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>64.111.427.940</b>	<b>64.111.427.940</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2020	50.000.000.000	(2.907.360.967)	7.113.856.062	29.271.948.324
Tăng trong năm	-	-	695.618.911	13.912.378.213
Giảm trong năm	-	-	-	10.867.815.125
Số dư tại 31/12/2020	50.000.000.000	(2.907.360.967)	7.809.474.973	32.316.511.412
Số dư tại 01/01/2021	50.000.000.000	(2.907.360.967)	7.809.474.973	32.316.511.412
Tăng trong năm	-	-	691.256.848	13.825.136.957
Giảm trong năm	-	-	-	10.445.084.241
Số dư tại 31/12/2021	50.000.000.000	(2.907.360.967)	8.500.731.821	35.696.564.128

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	340.800	340.800
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	32.316.511.412	29.271.948.324
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	13.825.136.957	13.912.378.213
Phân phối lợi nhuận	10.445.084.241	10.867.815.125
Phân phối lợi nhuận năm trước	6.988.800.000	7.389.720.571
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi	-	400.920.571
- Chia cổ tức cho các cổ đông	6.988.800.000	6.988.800.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	3.456.284.241	3.478.094.554
- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	691.256.848	695.618.911
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	2.073.770.545	2.086.856.732
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	691.256.848	695.618.911
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>35.696.564.128</b>	<b>32.316.511.412</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 87/NQ-DEIDCO ngày 29/03/2021.

### e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 87/NQ-DEIDCO ngày 29/03/2021 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng: 6.988.800.000 đồng). Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 05/03/2021 và đã chi trả hết cổ tức trong năm.

### 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng doanh thu	270.645.387.098	195.429.767.286
+ Doanh thu sách bổ trợ, sách giáo khoa	244.467.510.844	162.690.864.948
+ Doanh thu sách tham khảo	19.459.821.869	24.064.144.712
+ Doanh thu hoạt động khác	6.718.054.385	8.674.757.626
<b>Cộng</b>	<b>270.645.387.098</b>	<b>195.429.767.286</b>

### 23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Hàng bán bị trả lại	9.014.021.961	4.083.294.734
+ Hàng bán bị trả lại sách bổ trợ, sách giáo khoa	7.945.362.078	2.338.998.712
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	1.054.680.271	1.670.480.675
+ Hàng bán bị trả lại khác	13.979.612	73.815.347
<b>Cộng</b>	<b>9.014.021.961</b>	<b>4.083.294.734</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn hàng bán	192.324.314.980	131.616.853.014
+ Giá vốn sách hỗ trợ, sách giáo khoa	171.132.622.481	107.171.382.592
+ Giá vốn sách tham khảo	16.307.336.835	17.589.757.859
+ Giá vốn hoạt động khác	4.884.355.664	6.855.712.563
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.060.519.147	5.925.222.485
<b>Cộng</b>	<b>199.384.834.127</b>	<b>137.542.075.499</b>

### 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.238.101.404	1.093.395.742
Chiết khấu thanh toán nhanh	678.492.073	47.723.411
Cổ tức, lợi nhuận được chia	935.482.500	968.745.000
Bán cổ phiếu	-	93.450.000
<b>Cộng</b>	<b>2.852.075.977</b>	<b>2.203.314.153</b>

### 26. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	137.565.704	469.799.789
Chiết khấu thanh toán	640.037.452	1.177.081.781
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(233.310.000)	(629.526.213)
Chi phí tài chính khác	-	16.410.137
<b>Cộng</b>	<b>544.293.156</b>	<b>1.033.765.494</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	5.057.452.880	2.351.268.302
Chi phí nhân viên bán hàng	7.490.684.798	5.882.227.666
Chi phí hoa hồng môi giới	1.702.052.008	2.107.283.089
Các khoản khác	15.819.823.156	13.661.799.429
- Chi phí khấu hao	690.448.528	475.116.000
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	8.952.125.196	6.620.802.411
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách, tập huấn,...	4.216.745.621	4.427.550.805
- Chi phí khác	1.960.503.811	2.138.330.213
<b>Cộng</b>	<b>30.070.012.842</b>	<b>24.002.578.486</b>

### 28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	3.751.307.021	4.302.204.174
Chi phí nhân viên quản lý	7.488.934.698	5.882.227.686
Các khoản khác	4.717.625.314	4.740.501.733
- Chi phí khấu hao	845.112.000	766.488.000
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.743.204	232.787.304
- Chi phí khác	3.861.770.110	3.741.226.429
<b>Cộng</b>	<b>15.957.867.033</b>	<b>14.924.933.593</b>

### 29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.529.378.336	16.532.856.204
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	4.991.828.559	2.132.633.853
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	5.927.311.059	3.101.378.853
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	935.482.500	968.745.000
Tổng thu nhập chịu thuế	23.521.206.895	18.665.490.057
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.704.241.379</b>	<b>2.620.477.991</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	4.704.241.379	3.733.098.011
- Miễn giảm thuế	-	(1.119.929.403)
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	7.309.383

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.825.136.957	13.912.378.213
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.765.027.391)	(2.782.475.643)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	2.765.027.391	2.782.475.643
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.060.109.566	11.129.902.570
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.374</b>	<b>2.389</b>

### 31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.978.550.726	33.820.561.426
Chi phí nhân công	14.979.619.496	12.990.920.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.414.235.000	1.241.604.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.170.380.982	50.555.706.960
Chi phí khác bằng tiền	20.132.105.116	18.732.438.031
<b>Cộng</b>	<b>118.674.891.320</b>	<b>117.341.230.827</b>

### 32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là in và phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **33. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các nhà in chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tín dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

##### *Rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2021</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	16.525.544.613	-	16.525.544.613
Chi phí phải trả	15.666.372.079	-	15.666.372.079
Phải trả khác	39.297.700	-	39.297.700
<b>Cộng</b>	<b>32.231.214.392</b>	<b>-</b>	<b>32.231.214.392</b>

<b>01/01/2021</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	15.938.685.226	-	15.938.685.226
Chi phí phải trả	5.762.277.071	-	5.762.277.071
Phải trả khác	764.650	-	764.650
<b>Cộng</b>	<b>21.701.726.947</b>	<b>-</b>	<b>21.701.726.947</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2021</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.771.438.999	-	28.771.438.999
Đầu tư tài chính	16.149.600.000	1.350.000.000	17.499.600.000
Phải thu khách hàng	26.803.040.069	-	26.803.040.069
Phải thu khác	431.457.534	-	431.457.534
<b>Cộng</b>	<b>72.155.536.602</b>	<b>1.350.000.000</b>	<b>73.505.536.602</b>

<b>01/01/2021</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.290.231.554	-	25.290.231.554
Đầu tư tài chính	18.665.937.100	1.350.000.000	20.015.937.100
Phải thu khách hàng	11.815.964.158	-	11.815.964.158
Phải thu khác	436.854.204	-	436.854.204
<b>Cộng</b>	<b>56.208.987.016</b>	<b>1.350.000.000</b>	<b>57.558.987.016</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Thù lao và lương của các thành viên quản lý chủ chốt

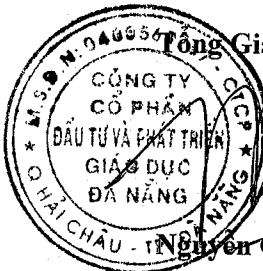
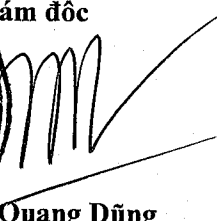
		Năm 2021	Năm 2020
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>			
Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch Công ty từ ngày 29/03/2021	36.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch Công ty đến ngày 29/03/2021	12.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Lê Ngọc	Thành viên	24.000.000	24.000.000
<b>Lương Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	796.980.000	589.214.600
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	601.047.500	437.766.847
Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	624.690.000	448.783.969

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

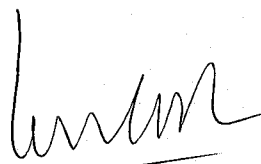
Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

  
Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Quang Dũng

Kế toán trưởng

  
Lê Ngọc

Người lập biểu

  
Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2022